Chi tiết mã HS 8477.20.10

Mã HS	8477.20.10
Mô tả hàng hóa	Máy dùng để gia công cao su hoặc plastic hoặc dùng trong việc sản xuất các sản phẩm từ những vật liệu trên, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này / - Máy đùn: / - - Để đùn cao su
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 22:13:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84772010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14425
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14425
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14425
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13773
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13714
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13714
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13714
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13714
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13714
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13714
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13768
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13768
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13768

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13768
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13768
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13768
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13769
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13769
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13769
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13769
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13769
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13769
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13772
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13720
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13728
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13728
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13728
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13728
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13728
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13728
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13759
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13759
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13759
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13759
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13759
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13759
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13808
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13808
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13808

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13808
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13808
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13808
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13791
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13791
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13791
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13791
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13791
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13791
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13791
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13791
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13791
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13791
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13791
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13791
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13806
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13806
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13806
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13806
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13806
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13806
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13805
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13805
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13805
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13805
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13805

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13805
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13785
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13785
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13785
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13785
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13785
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13785
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13785
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13793
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13793
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13793
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13793
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13793
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13793
RCEP B	2022	2022	0	B!D13793
RCEP B	2023	2023	0	B!E13793
RCEP B	2024	2024	0	B!F13793
RCEP B	2025	2025	0	B!G13793
RCEP B	2026	2026	0	B!H13793
RCEP B	2027	2027	0	B!I13793
RCEP C	2022	2022	0	C!D13793
RCEP C	2023	2023	0	C!E13793
RCEP C	2024	2024	0	C!F13793
RCEP C	2025	2025	0	C!G13793
RCEP C	2026	2026	0	C!H13793
RCEP C	2027	2027	0	C!I13793

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13792
RCEP D	2023	2023	0	D!E13792
RCEP D	2024	2024	0	D!F13792
RCEP D	2025	2025	0	D!G13792
RCEP D	2026	2026	0	D!H13792
RCEP D	2027	2027	0	D!I13792
RCEP E	2022	2022	0	E!D13796
RCEP E	2023	2023	0	E!E13796
RCEP E	2024	2024	0	E!F13796
RCEP E	2025	2025	0	E!G13796
RCEP E	2026	2026	0	E!H13796
RCEP E	2027	2027	0	E!I13796
RCEP F	2022	2022	0	F!D13793
RCEP F	2023	2023	0	F!E13793
RCEP F	2024	2024	0	F!F13793
RCEP F	2025	2025	0	F!G13793
RCEP F	2026	2026	0	F!H13793
RCEP F	2027	2027	0	F!I13793
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12804
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12804
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12804
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12804

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8477.20 có 2 dòng thuế; dòng 8477.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Để đùn cao su.	8477.20.20 Để đùn plastic	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8477.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8477.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14425), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.